

Bản án số: 115/2022/HSST
Ngày: 29/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hữu Tường
2. Ông Võ Bút Thông.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Hoàng Trúc – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 64/2022/TLST-HS ngày 01/4/2022 đối với bị cáo:

Trần Đức Q, sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A đường H, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Đức Đ và bà Nguyễn Thị N; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 22/12/2021 (Có mặt)

Người bị hại:

Bà Lê Thị Thanh V; Nơi cư trú: 6/3A6 Tổ 1, Khu phố 3, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 20 tháng 11 năm 2003, Trần Đức Q điều khiển xe mô tô, biển số 51P5 – 7988 chở Phạm Tuấn Đ lưu thông trên đường Lê Đức Thọ hướng đi ngã tư Tân Thới Hiệp, Quận 12. Lúc này, Q và Đ phát hiện chị Lê Thị Minh V đang điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda Cub chở chị Lê Thị

Tuyết Anh đi cùng chiều. Trên cổ chị V có đeo dây chuyền màu vàng nên Q rủ Đ cướp giật dây chuyền của chị V thì Đ đồng ý. Lợi dụng có tín hiệu đèn đỏ, chị V dừng xe mô tô lại, chờ có tín hiệu đèn xanh chị V điều khiển xe mô tô vượt lên và rẽ trái trên đường Quốc lộ 1A hướng về cầu vượt Quang Trung. Lúc này, Q điều khiển xe vượt lên và áp sát vào bên tay phải của chị V để Đ dùng tay trái giật được dây chuyền của chị V thì dây chuyền bị đứt nhưng chị V giữ cổ áo lại nên Đ không lấy được dây chuyền. Chị V truy hô, được quần chúng nhân dân theo hỗ trợ bắt giữ Phạm Tuấn Đ cùng vật chứng, còn Q điều khiển xe mô tô biển số 51P5 - 7988 chạy thoát.

Ngày 16/4/2004 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Phạm Tuấn Đ 03 (ba) năm tù, về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, còn Trần Đức Q bỏ trốn đến ngày 22/12/2021 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Vật chứng vụ án: Đã được xử lý theo bản án số 570/HSST ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Phân dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Cáo trạng số 59/CTr – VKS ngày 29/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 truy tố bị cáo Trần Đức Q về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm hôm nay:

Bị cáo khai nhận hành vi bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đức Q phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Vật chứng của vụ án: Đã được xử lý theo bản án số 570/HSST ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án khoan hồng nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo, bị hại trong vụ án đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều phù hợp qui định pháp luật.

[2] Trong vụ án này bị hại đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt tại phiên tòa của bị hại không gây trở ngại hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Trần Đức Q đã khai nhận hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với người bị hại, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 20 tháng 11 năm 2003, Trần Đức Q điều khiển xe mô tô, biển số 51P5 – 7988 chở Phạm Tuấn Đ lưu thông trên đường Lê Đức Thọ hướng đi ngã tư Tân Thới Hiệp, Quận 12. Lúc này, Q và Đ phát hiện chị Lê Thị Minh V đang điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda Cub chở chị Lê Thị Tuyết Anh đi cùng chiều. Trên cổ chị V có đeo dây chuyền màu vàng nên Q rủ Đ cướp giật dây chuyền của chị V thì Đ đồng ý. Lợi dụng có tín hiệu đèn đỏ, chị V dừng xe mô tô lại, chờ có tín hiệu đèn xanh chị V điều khiển xe mô tô vượt lên và rẽ trái trên đường Quốc lộ 1A hướng về cầu vượt Quang Trung. Lúc này, Q điều khiển xe vượt lên và áp sát vào bên tay phải của chị V để Đ dùng tay trái giật được dây chuyền của chị V thì dây chuyền bị đứt nhưng chị V giữ cổ áo lại nên Đ không lấy được dây chuyền. Chị V truy hô, được quần chúng nhân dân theo hỗ trợ bắt giữ Phạm Tuấn Đ cùng vật chứng, còn Q điều khiển xe mô tô biển số 51P5 - 7988 chạy thoát.

[4] Hành vi do bị cáo thực hiện trong vụ án là hành vi cố ý và gây nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và trật tự trị an xã hội được pháp luật nhà nước bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi do mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo bất chấp pháp luật sẵn sàng lao vào con đường phạm tội

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi do bị cáo thực hiện trong vụ án đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo sử dụng xe mô tô lưu thông làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại, khi bị cáo thực hiện hành vi cướp giật rồi tăng tốc bỏ chạy, thủ đoạn này của bị cáo có thể gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của chính bị cáo, bị hại và những người khác đang lưu thông trên đường phố nên đây là trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm để phạm tội là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Sau khi gây án bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, nên

đối với bị cáo cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý theo bản án số 570/HSST ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ; Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Đức Q phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Trần Đức Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2021.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh; (01)
- VKSND Quận 12; (02)
- THADS Quận 12; (01)
- THAHS Quận 12; (04)
- Phòng PC27 CA Tp. HCM; (01)
- Công an Quận 12; (02)
- Người tham gia tố tụng; (02)
- Lưu hồ sơ vụ án. T 18./. (02)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Minh Cường